

Những vấn đề của triết học Trung Quốc đương đại

PGS. TS HỒ SĨ QUÝ

Viện Thông tin Khoa học xã hội

1. Cải cách, mở cửa và việc xác định lại những vấn đề của triết học Trung Quốc đương đại

Tháng 5 năm 2006, tạp chí *Khoa học Xã hội Trung Quốc* thuộc Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc (CASS) cùng tạp chí *Giới học thuật*, một tạp chí có uy tín ở Trung Quốc tổ chức Hội thảo “Những vấn đề mũi nhọn trong nghiên cứu triết học đương đại”. Hội thảo đã thu hút sự quan tâm sâu sắc của giới trí thức, đặc biệt, các nhà nghiên cứu và các nhà hoạt động xã hội. Mục đích của hội thảo đặt ra là: *Những vấn đề mà triết học Trung Quốc đương đại cần hướng tới - những vấn đề của thời đại, những vấn đề của đất nước Trung Quốc và những vấn đề của bản thân triết học*. Hội thảo để lại dấu ấn khá đậm và sau đó vẫn tiếp tục gây tranh luận. Lựa chọn trong nhiều tham luận gửi tới hội thảo, tạp chí *Khoa học xã hội Trung Quốc* đã chọn 10 tham luận tiêu biểu của các học giả trên khắp đất nước để đăng tạp chí với tiêu đề chuyên mục giống như tiêu đề hội thảo.

Được sự đồng ý của các tác giả và tạp chí *Khoa học Xã hội Trung Quốc*, Viện Thông tin Khoa học xã hội dịch và công bố 10 bài đó.

Nhưng trước khi có hội thảo nói trên, ngay từ năm 2004, tại Đại học Nhân dân Trung Quốc, một hội thảo khác với tiêu đề “Viết lại lịch sử triết học và đổi mới chuẩn thức triết học Trung Quốc” đã được tổ chức. Các nhà triết học Trung Quốc cho rằng ngay tiêu đề hội thảo cũng đã nói lên nhiều điều và do vậy, vấn đề được bàn luận sôi nổi, đặc biệt trong các trường đại học. Từ đó đến nay, như chúng tôi được biết, sách giáo khoa và chương trình triết học tại các trường đại học Trung Quốc đã có một số thay đổi mạnh hơn so với những thay đổi trong những năm 90 (thế kỷ XX). Ở vào một thời điểm sớm hơn, khoảng trước và sau năm 2000, những hoài nghi về hệ thống các tri thức hợp thành của triết học và “chuẩn thức” (những hình thức triết học xác định⁽¹⁾) như vẫn được nghiên cứu và giảng dạy lâu nay tại Trung Quốc đã được đặt ra. Các nhà

khoa học Trung Quốc bắt đầu bản khoản về vị thế của tư tưởng triết học truyền thống trong tương quan với triết học phương Tây được truyền bá ở Trung Quốc sau khoảng một thế kỷ. Vai trò của triết học Nho giáo, giá trị của việc truyền bá triết học dưới ảnh hưởng của Hồ Thích và Phùng Hữu Lan được xem xét lại⁽²⁾. Người tán đồng nhiều và người phản đối cũng không ít.

Nhưng không phải tới năm 2000, việc nghiên cứu và giảng dạy triết học ở Trung Quốc mới đặt ra những vấn đề gây bản khoản và thôi thúc hoạt động lý luận. Mà ngay từ đầu những năm 90, sau chuyến công du của Đặng Tiểu Bình xuống phía Nam sông Dương Tử với tuyên bố “khai phóng” nổi tiếng, phương châm “giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị” đã diễn ra khá mạnh từ đời sống kinh tế đến hoạt động lý luận. Những “đại luận chiến” về “chủ nghĩa xã hội: rõ hay không rõ”, về “tiêu chuẩn sức sản xuất: lý lẽ cứng hay mềm”, về “chế độ sở hữu: mục đích hay thủ đoạn”, về “kinh tế thị trường: thay da đổi thịt hay chấp vá”, v.v... đã làm sôi động bầu không khí tinh thần xã hội. Triết học Trung Quốc trong bối cảnh ấy đã đàm luận rộng sang các lĩnh vực triết học văn hóa, nhân học triết học, các vấn đề toàn cầu, hiện đại hoá, v.v... Và, cũng không phải tới những năm 90, mà sớm hơn nữa, vào cuối những năm 70 đầu những năm 80 người ta đã thấy xuất hiện những quan điểm mới làm “vân vũ gió mây trên bầu trời lý luận” khi Trung Quốc bắt đầu cải cách,

mở cửa (“quốc môn khai”). Tháng 3 năm 1979, Hội nghị Bắc Kinh về công tác lý luận đã khởi xướng việc giải phóng “tư tưởng bị cầm cố”. Rồi sau đó, lý luận “mèo trắng mèo đen” được bàn luận triệt để⁽³⁾. Lý luận về “giai cấp đấu tranh” bị phê bình nghiêm khắc. Triết học Mác - Lênin được nhìn nhận trong xu hướng xây dựng “chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc”, “xây dựng nền văn minh tinh thần” Trung Quốc...

Điểm qua vài nét về lịch sử vấn đề như trên, chúng tôi muốn lưu ý rằng, việc triết học Trung Quốc truy tìm những vấn đề của mình không phải mãi đến bây giờ mới xuất hiện và cũng không phải là việc nảy sinh thuần túy từ trong lòng triết học. Cái làm thôi thúc quá trình truy tìm ấy chính là sự biến động của thời đại toàn cầu hóa từ sau chiến tranh lạnh kết thúc và sự trỗi dậy của đất nước Trung Quốc từ sau cải cách, mở cửa. “Con sư tử châu Á tỉnh ngủ”⁽⁴⁾ đã kéo theo những biến động khác cả về phương diện tư tưởng, học thuật.

Và điều đó đặt nghiã tại sao những vấn đề mũi nhọn của triết học Trung Quốc đương đại lại bao gồm những vấn đề của thời đại, những vấn đề của đất nước Trung Quốc và những vấn đề của bản thân triết học.

2. Triết học tự lưu đày hay là bị gạt ra ngoài lề: trừu tượng hoá đã trở thành căn bệnh trầm kha của triết học Trung Quốc

Thuật ngữ “tự lưu đày” và “bị gạt ra ngoài lề” không phải do người viết bài

này nghĩ ra, mà là chữ dùng của các học giả Trung Quốc. Đây là một trong những vấn đề nóng của triết học Trung Quốc đương đại. Vấn đề được chính thức đặt ra trong tạp chí *Nghiên cứu triết học* số 1 năm 2004⁽⁶⁾, và nó được bàn thảo tại hội thảo “Những vấn đề mũi nhọn... tháng 5/2006. GS. Yi Junqing (Y Tuấn Khanh), Trung tâm Nghiên cứu Triết học Văn hoá, Đại học Hắc Long Giang, cho rằng, đây là vấn đề mà giới nghiên cứu triết học Trung Quốc cần nhìn thẳng vào, vì nó đụng đến chuẩn thức của triết học đang được nghiên cứu và giảng dạy ở Trung Quốc. Trong triết học hiện thời, “mọi đối tượng và mọi vấn đề cuối cùng đều được trừu tượng hoá thành những nguyên lý lý luận hay tri thức có vẻ đúng đắn muôn thuở, thích hợp phổ biến, nhưng thực ra thì lại có thể xa rời hiện thực đời sống, hoặc chỉ là những chỉ dẫn trống rỗng, chung chung, hời hợt. Mọi nghiên cứu lý luận đều quen với việc chỉnh lý và suy diễn lôgic lý luận từ một nhà tư tưởng đến một nhà tư tưởng khác. Theo một ý nghĩa nào đó, “trừu tượng hoá đã trở thành căn bệnh trầm kha của nghiên cứu triết học Trung Quốc”.

Theo Yi Junqing, một triết học không nắm bắt được những vấn đề mới, không xác lập được những chủ đề triết học mới trong một xã hội đang biến đổi, chắc chắn sẽ tụt hậu. “Một triết học vẫn dùng những phương pháp và chuẩn thức nghiên cứu bất biến để nắm bắt những vấn đề và chủ đề triết học mới... là một

thứ *triết học có vấn đề*”. Yi Junqing cho rằng, giữa xác lập các vấn đề và chủ đề mới của triết học và chuyển đổi chuẩn thức triết học, cả hai việc cùng quan trọng như nhau, không thể coi nhẹ việc nào.

Chuẩn thức triết học theo phân định của Yi Junqing gồm hai loại: 1). Những chuẩn thức lý luận tư biện hoặc triết học ý thức thuần túy. 2). Những chuẩn thức thuộc về thế giới đời sống, được thể hiện trong triết học văn hóa, triết học thực tiễn, triết học chính trị, triết học xã hội... bao gồm những vấn đề liên quan đến mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, con người và con người, con người và quần thể, con người và xã hội... Chuẩn thức thứ hai này không còn giản đơn biểu hiện thành những vấn đề của một lĩnh vực nào đó như kinh tế, chính trị... nữa.

Do vậy, Yi Junqing kết luận, “chỉ cần không “tự lưu đày” mình trong vương quốc của các ý niệm trừu tượng, triết học sẽ không thể bị thế giới đời sống sôi động gạt ra ngoài lề”.

Về chuẩn thức của triết học, GS. Sun Zhouxing (Tôn Chu Hưng), Khoa Triết học, Đại học Đồng Tế cho rằng, chính Heidegger là người đã chuyển triết học của mình từ “triết học” sang “hậu triết học”. Trong thử nghiệm hiện sinh thời kỳ trước những năm 30, Heidegger đã cố gắng xây dựng triết học trên cơ sở hiện sinh chủ nghĩa, tuy nhiên, những thuật ngữ cơ bản mà ông sử dụng vẫn đi theo

triết học truyền thống. Nghĩa là lúc đầu Heidegger vẫn tin ở phương thức tư tưởng và phương thức biểu đạt của triết học “truyền thống”, ít nhất là có thể thông qua cải tạo để khôi phục sức mạnh tư tưởng của nó. Nhưng sau những năm 30, Heidegger hoàn toàn từ bỏ ý định này, chuyển sang thử nghiệm cái mà ông gọi “hậu triết học” hay “phi triết học”.

Dựa vào phân tích bước chuyển ở triết học Heidegger, Sun Zhouxing cho rằng, với triết học ngày nay, “nếu áp dụng kiến nghị của Heidegger, tốt nhất chúng ta không nên dùng thuật ngữ “triết học”, một danh từ riêng châu Âu - phương Tây nữa, mà nên dùng thuật ngữ “tư tưởng” để chỉ những nỗ lực tư tưởng ngoài triết học đang xuất hiện và trở nên có ý nghĩa trong sự giao lưu văn hoá đa nguyên ở thời đại công nghệ - toàn cầu”.

Về tình trạng của nghiên cứu triết học ở một số lĩnh vực cụ thể, GS. Yu Wujin (Du Ngô Kim), Trung tâm Nghiên cứu chủ nghĩa Marx đương đại ở nước ngoài, Đại học Phúc Đán cho rằng, nhìn bề ngoài, người ta dễ hình dung mỹ học Trung Quốc hiện nay trong một cảnh tượng phồn vinh. Các loại quan điểm mỹ học đua nhau xuất hiện, tranh luận không ngớt, có vẻ như người ta đang miệt mài tìm hiểu một loạt vấn đề mỹ học quan trọng. “Kỳ thực, người nghiên cứu tinh ý rất dễ phát hiện, ngoài việc lặp lại những quan niệm mỹ học cũ và chơi đùa với những danh từ ngoại lai mới, nghiên cứu mỹ học hiện nay chẳng đạt được bước tiến triển thực chất nào”.

Theo Yu Wujin, ở Trung Quốc là, “dù người ta lý giải quan điểm của mình là “phái gì” hay “học gì”, dù người ta phóng đại như thế nào sự khác biệt và đối lập giữa các kiến giải khác nhau, nhưng trong thực tế không hề tồn tại những trường phái mỹ học hay những học thuyết mỹ học khác nhau, bởi vì những ngôn luận chủ đạo của người ta về mỹ học gần như đều bắt nguồn một cách không lệ ngoại từ cùng một cơ sở là triết học tri thức luận”.

Với ngành triết học khoa học tình trạng cũng tương tự. Nhận xét về thực trạng ngành này, GS. Guo Guichun (Quách Quý Xuân), Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ, Đại học Sơn Tây, cho rằng, “đằng sau sự phồn thịnh bề ngoài của nghiên cứu triết học khoa học ở Trung Quốc hiện nay tiềm ẩn nguy cơ sâu sắc của sự ngoại vi hoá bộ môn. Cần đưa việc nghiên cứu triết học khoa học của Trung Quốc vào quỹ đạo phát triển chủ đạo thông qua việc nắm bắt các xu thế phát triển của triết học khoa học quốc tế, lấy việc nghiên cứu các lý luận then chốt của triết học khoa học làm cơ sở, lấy việc xây dựng tính quy phạm của bộ môn làm mục tiêu. Chỉ có như vậy mới có thể hình thành và xây dựng được trường phái triết học khoa học Trung Quốc”.

Phê phán mạnh mẽ hiện tượng triết học thiếu quan tâm đến các vấn đề hiện thực, đánh mất nhiệt tình cải tạo thế giới như nó đã từng có trong lịch sử, GS. Feng Ping (Phùng Bình), Trung tâm

Nghiên cứu chủ nghĩa Marx đương đại ở nước ngoài, Đại học Phúc Đán cho rằng, điều đó sẽ dẫn đến tình trạng “coi các lý luận triết học của quá khứ là một đồng khái niệm tuy gắn bó nhau nhưng không hề có sức sống; chúng ta sẽ cắt đứt huyết mạch của những lý luận này vì không nhìn thấy vấn đề mà chúng cần giải quyết và động lực nguyên thủy sản sinh ra chúng”.

Theo Feng Ping, trong sáng tạo triết học, việc đặt ra vấn đề của đời sống hiện thực là quan trọng nhất và cũng là khó khăn nhất. Thông thường, triết học Trung Quốc hay khái quát đời sống thành những vấn đề hoặc là quá trừu tượng hoặc là lại quá cụ thể, vụn vặt. Quá trừu tượng thì không thể có phương pháp giải quyết, hoặc không thể thao tác được. Còn nếu quá cụ thể thì thực ra chẳng cần đến nghiên cứu triết học.

Feng Ping kết luận, nếu lấy “các vấn đề của Trung Quốc làm đối tượng nghiên cứu”, triết học Trung Quốc có thể sẽ trở thành “tinh hoa tinh thần của thời đại” và trở thành “linh hồn sống của văn hoá” Trung Hoa.

3. Về diện mạo của lịch sử triết học Trung Quốc - khủng hoảng tính hợp pháp của Triết học Trung Quốc

“Khủng hoảng tính hợp pháp của triết học Trung Quốc” là chủ đề của Zhao Jinglai, trong tạp chí *Khoa học xã hội Trung Quốc*, số 6 năm 2003 dùng để chỉ tình trạng lịch sử triết học Trung Quốc

được mô tả lâu nay không đúng như diện mạo của nó trong thực tế.

Về điều này, GS. Jing Haifeng (Cảnh Hải Phong), Đại học Thâm Quyến cho rằng, quan niệm về lịch sử triết học Trung Quốc lưu hành hơn 80 năm qua vì mô phỏng phương Tây quá đậm, phụ thuộc quá nhiều vào phương Tây, nên đã làm mờ đi, đến mức đánh mất tinh thần riêng của tư tưởng Trung Quốc, biến triết học Trung Quốc thành “vật phụ thuộc”, thành “hàng nhái” của triết học phương Tây. Lúc đầu, khi thảo luận về điều này, một số học giả không hiểu, cho rằng đó là chuyện “không bệnh mà rên”. Nhưng từ sau năm 2004, phần lớn đều thừa nhận đó là “vấn đề thật” của triết học Trung Quốc.

Nguyên nhân của tình hình, theo Jing Haifeng, chuẩn thức bộ môn của “triết học Trung Quốc” do Hu Shi (Hồ Thích), Feng Youlan (Phùng Hữu Lan) xác lập đã mô phỏng và phụ thuộc về mặt hình thức vào triết học cận đại phương Tây theo kiểu “cúi mình theo người” đến mức “không thể chịu đựng”. Khi thế giới mở ra, chờ đợi nước “Trung Hoa văn hoá” phát ra tiếng nói độc đáo, thì Trung Quốc lại rơi vào tình trạng “bất lực”, lúng túng “không biết lấy gì để hiến cho người”.

Về hình thức, triết học Trung Quốc thường được phân tích và đánh giá theo các khuôn thước phương Tây: *tiến bộ và bảo thủ, tư bản chủ nghĩa và phong kiến chủ nghĩa, giải phóng cá nhân và đề nén*

nhân tính, duy vật và duy tâm... Những tiêu chuẩn này thực ra không phù hợp với triết học truyền thống Trung Hoa. Đặc biệt, Khổng giáo thường bị coi là tiêu cực, lỗi thời, nhiều lắm cũng chỉ có chút ít “ý nghĩa tiến bộ lịch sử”. Do ảnh hưởng của sự phê phán nhiều năm từ bên trong và bên ngoài, “đạo đức Nho gia trở nên ngày càng nhạt nhạt, chúng ta thực sự không biết còn gì có thể nói, càng không biết nên nói thế nào! Sự trống rỗng và xa lạ trong đời sống hiện thực và sự “lỡ lời” thậm chí “nói năng lộn xộn” trong nghiên cứu lý luận khiến cho đạo đức Nho gia xa rời về căn bản đời sống thực tế”.

Khi gần đây Nho giáo được đánh giá cao ở các nước NICs châu Á, Jing Haifeng cho biết, lúc đó người Trung Quốc đại lục mới giật mình: “Tại sao họ không “loại” truyền thống ra ngoài cuộc, mà lại dựa vào đó để xây dựng hiện đại hoá? Tại sao đạo đức Nho gia mà chúng ta coi như giẻ rách lại trở thành động lực thúc đẩy sự hài hoà xã hội và đổi mới văn hoá, chứ không phải là chướng ngại và gánh nặng đối với sự phát triển của các khu vực đó”.

Có thể thấy, việc tự vấn về diện mạo của triết học Trung Quốc trong thế giới ngày nay hay cái gọi là khủng hoảng tính hợp pháp của triết học Trung Quốc, dấu sao cũng phản ánh tâm thế xã hội trong xu thế phát triển của đất nước Trung Quốc trong những năm gần đây. Bên cạnh dòng quan niệm như Jing Haifeng, Zhao Jinglai... Còn là dòng quan niệm hơi khác như Ju Shier, Feng

Ping... Chẳng hạn, GS. Ju Shier (Cúc Thực Nhi), Viện Nghiên cứu Logic và Nhận thức, Đại học Trung Sơn cho rằng, dân tộc Trung Hoa mấy nghìn năm nay chỉ dựa vào các nguồn lực và thị trường bên trong cũng có thể duy trì sự tồn tại của mình, nay đang đối mặt với một vấn đề chưa từng có là, nếu không mở rộng giao lưu với bên ngoài, thì sẽ không thể tiếp tục phát triển, nhất là trong điều kiện chính trị toàn cầu ngày nay đã trở thành đa cực và đa văn minh. Do vậy con đường duy nhất để dân tộc Trung Hoa giải quyết vấn đề trên là thiết lập mối liên hệ với nhiều nền văn minh trên tinh thần đối thoại và bình đẳng. Về phương diện logic học, Ju Shier còn cho rằng, các loại logic học truyền thống như logic học cổ đại Trung Quốc, logic học Phật giáo Ấn Độ hay logic học Hy Lạp..., nhìn từ giác độ ngữ dụng học, đều là những công cụ suy lý và luận chứng vô chủ thể hay đơn chủ thể. Nhưng ngày nay để giao lưu trong một thế giới đa cực và đa văn minh, có thể sẽ xuất hiện một thứ “logic biện luận xuyên văn minh”? nếu câu trả lời là khẳng định thì logic nay là gì? Đây là vấn đề mà logic học sẽ đối mặt trong tương lai.

Còn theo Feng Ping, phương châm “triết học hướng về các vấn đề của Trung Quốc” thực chất chỉ có nghĩa là triết học Trung Quốc cần lấy việc cải thiện đời sống của người Trung Quốc, xúc tiến sự phát triển của xã hội Trung Quốc làm mục tiêu nghiên cứu, lấy quan niệm giá

trị và phương thức tư duy căn bản nhất ảnh hưởng đến đời sống người Trung Quốc và sự phát triển xã hội Trung Quốc làm nhiệm vụ nghiên cứu”.

4. Những vấn đề mà triết học đương đại Trung Quốc cần hướng tới

Như đã nói ở phần đầu, mục đích của hội thảo “Những vấn đề mũi nhọn...” 5-2006 là nhằm làm rõ triết học Trung Quốc đương đại cần phải hướng tới những vấn đề nào. Theo tư duy truyền thống, các nhà lý luận Trung Quốc phân chia rạch ròi thành 3 loại vấn đề – vấn đề của thời đại, của đất nước Trung Quốc và của triết học. Mặc dù với triết học, 3 loại vấn đề này trong nhiều trường hợp cũng chỉ là một, hoặc không thể tách rời nhau, nhưng trong chừng mực tương đối, việc tách bạch như vậy cũng có ý nghĩa của nó. Yi Junqing cho rằng, khi triết học hướng tới các vấn đề và chủ đề quan trọng nhất của thời đại chúng ta, thì trước hết nó cần quan tâm đến các vấn đề của bản thân nó, vấn đề chuẩn thức triết học. Theo Yi Junqing, sức mạnh của triết học chính là ở “lý tính triết học” và “phản tư triết học”. Đây là cái cho phép triết học không ngừng phê phán các cấu trúc văn hóa đã hình thành của loài người, kể cả các hệ thống và định kiến đã hình thành của chính triết học.

Với GS. Ou Yangkang (Âu Dương Khang), Đại học Khoa học và Công nghệ Hoa Trung, Vũ Hán, việc trả lời câu hỏi “vấn đề triết học là gì?” có thể dẫn tới nhiều hướng tìm tòi khác nhau: vấn đề

có tính chất và đặc điểm triết học, vấn đề mà nhà triết học nghiên cứu, vấn đề được nghiên cứu bằng phương thức triết học... Và dù trả lời bằng phương thức nào đều khó tránh khỏi phải làm rõ “triết học là gì”.

Do tính trừu tượng hoá và phổ biến hoá cao độ của triết học lại được triển khai trong những điều kiện lịch sử cụ thể - thông qua cá nhân nhà triết học cụ thể, nên triết học khó tránh khỏi phải chịu sự chế ước của thời đại và cá thể. Bởi vậy vấn đề triết học của mỗi thời đại tất nhiên có đặc điểm thời đại, dân tộc và cá thể. Theo ý nghĩa đó, Ou Yangkang đề xuất “chuỗi vấn đề của nghiên cứu triết học hiện nay” gồm:

1. Xung đột bên trong con người. Những tương tác giữa lý tính và phi lý tính trong kết cấu tâm lý sâu xa của con người. Đó là hạt nhân của chuỗi vấn đề triết học.

2. Sự phân hoá, xung đột và tương tác toàn diện giữa văn hoá khoa học kỹ thuật và văn hoá nhân văn trong đời sống xã hội.

3. Sự phân hoá và đối lập giữa thế giới đời sống và thế giới thần thánh.

4. Sự xung đột và chế ước lẫn nhau giữa bản sắc dân tộc và hệ thống toàn cầu.

5. Sự đối lập và tương tác giữa tự do cá tính và các quy định pháp luật.

Những vấn đề triết học đích thực này, theo Ou Yangkang, “được hình thành và nâng cao trong đối thoại. Đối thoại là cơ chế hình thành vấn đề triết

học. Giá trị lớn nhất của triết học là giúp người ta tiến hành đối thoại”.

Hơi khác với Ou Yangkang, 5 vấn đề lớn mà toàn cầu hoá đặt ra cho triết học, theo GS. Ren Ping (Nhiệm Bình), Đại học Tô Châu, lại là:

1. Ý nghĩa triết học của kinh tế tri thức đối với sự biến đổi phương thức sản xuất toàn cầu. “Tư bản tri thức” đang thay thế tư bản công nghiệp để trở thành yếu tố chủ đạo của quá trình toàn cầu hoá.

2. Vấn đề giao tiếp liên chủ thể và công cộng do toàn cầu hoá mới đem lại. Toàn cầu hoá là “giao tiếp phổ biến toàn thế giới”.

3. Vấn đề viết lại tính hiện đại. Trong thời đại toàn cầu hoá mới, hiện đại hoá hiện nay là “hiện đại hoá mới” – nó không giống với hậu hiện đại toàn cầu, càng không giống với quan niệm về hiện đại kinh điển theo Max Weber, thậm chí cũng không phải là “hiện đại hoá lần thứ hai” mà Habermass, Giddens hay Baker chỉ ra, mà là “tính hiện đại mới” được dẫn dắt bởi “hậu hiện đại”, “tri thức hoá” hay “thông tin hoá”.

4. Ngày nay, việc toàn cầu hoá tư bản tri thức chông lên và bao trùm tư bản công nghiệp đã tạo ra một cục diện toàn cầu mới.

5. Trong toàn cầu hoá, sự khác biệt hoá, đa nguyên hoá, phức tạp hoá trở thành hiện tượng toàn cầu. Đây là một thời đại nảy sinh hàng loạt đựng độ về văn hoá tư tưởng: khác biệt giai cấp,

khác biệt hệ tư tưởng truyền thống, chủ nghĩa dân tộc mới, chủ nghĩa nữ quyền, ý thức chính trị chủng tộc, văn hoá luyện ái đồng tính, tôn giáo mới, chủ nghĩa khủng bố, chủ nghĩa nhóm sắc tộc mạng, chủ nghĩa sinh thái...

Giải đáp 5 vấn đề đó, chủ nghĩa Marx đương đại sẽ có “tầm nhìn vấn đề trong phản tư” của thời đại. Đây là phương thức chủ yếu để triết học Macxit tồn tại và phát triển trong thời đại ngày nay.

Theo GS. Feng Ping, 150 năm trước, Marx đã hoàn thành cuộc cải cách triết học quan trọng, đánh dấu bằng việc xác lập nguyên tắc thực tiễn với 3 ý nghĩa cơ bản:

1. Đòi sống loài người là xuất phát điểm và là mục đích quan tâm của triết học.

2. Triết học giải thích thế giới là để cải tạo thế giới.

3. Khi cải tạo thế giới, con người tuân thủ nguyên tắc giá trị, tức là lợi dụng vật theo thước đo của người.

Trong sự ứng dụng nguyên tắc thực tiễn của triết học Marx, Feng Ping cho rằng, triết học Trung Quốc cần suy nghĩ và hoạch định việc nghiên cứu sao cho triết học không phải là một thứ triết học nhìn thế giới (dù nó gồm các kiến giải về phương thức “nhìn thế giới” và các quan điểm về thế giới), mà là một thứ triết học cải tạo thế giới. Tuy nhiên trong khi đề cao việc ứng dụng nguyên tắc thực tiễn, Feng Ping cũng kịch liệt phê phán thái độ quá sùng bái quan điểm thực chứng.

Theo ông, việc sùng bái thực chứng sẽ thủ tiêu triết học. Feng Ping viết: “Trong hệ thống văn hoá và tư tưởng của loài người không cần có thứ triết học lấy việc miêu tả thực tế làm mục đích căn bản, hiện nay lại càng như vậy... Tuy nghiên cứu triết học có bao hàm việc miêu tả, nhưng tuyệt nhiên không thể dừng lại ở miêu tả, cũng không thể lấy miêu tả làm mục đích. Triết học đích thực là sự kiến tạo và trình bày về lý tưởng có căn cứ... Triết học cần vận dụng những thành quả và áp dụng một số phương pháp của khoa học thực chứng, nhưng không được thần phục phương pháp của khoa học thực chứng, càng không thể lấy phương pháp của khoa học thực chứng làm tiêu chuẩn để đánh giá xem nghiên cứu triết học có đáng tin cậy không. Khoa học thực chứng không phải là khuôn mẫu của triết học. Chúng ta không có bất cứ lý do nào để cầm tù triết học bằng chủ nghĩa thực chứng... không thể lấy thực chứng làm chuẩn mực”.

Trong cuốn sách này, Feng Ping cũng là người phê phán khá nặng quan điểm coi *triết học chính là lịch sử triết học*, một quan điểm rất phổ biến trong giới triết học nhiều nước⁽⁶⁾. Theo Feng Ping, “nếu trong con mắt của nghiên cứu triết học chỉ có lịch sử của mình thì triết học sẽ mất đi ý nghĩa tồn tại hiện thực của nó và sẽ trở thành một loại hình của lịch sử. Lịch sử triết học là công cụ thực sự của triết học, nhưng không phải là chính triết học. Triết học cần hướng tới các vấn

đề hiện thực, nghiên cứu các vấn đề hiện thực, có như vậy sức sống của nó mới không suy kiệt”.

*

* *

Trên đây là những nội dung cơ bản cũng là những nội dung đáng chú ý của cuốn sách được lựa chọn từ những tham luận trong Hội thảo “*Những vấn đề mũi nhọn trong nghiên cứu triết học đương đại*” của các nhà lý luận Trung Quốc 5-2006. Có thể bạn đọc sẽ còn khai thác được các nội dung khác cũng rất đáng chú ý đối với mình. Nhưng với phương châm “trông người để thấy mình”, bài viết này chủ tâm lưu ý bạn đọc những kiến giải, những quan điểm, những ý kiến... khác (hoặc ít nhiều khác) với những bàn luận triết học lâu nay tại Việt Nam.

Đặt vấn đề chính xác tức là đã giải quyết được một nửa vấn đề. Có lẽ cũng xuất phát từ đó mà các nhà lý luận Trung Quốc muốn tập trung trí tuệ nhằm xác định thật chính xác những vấn đề mà triết học Trung Quốc đang cần hướng tới. Liệu những vấn đề được xác định trong cuốn sách này đã phải là những vấn đề đích thực mà triết học Trung Quốc cần hướng tới hay chưa? Quả thực, câu trả lời khẳng định là chưa đủ sức đứng vững. Qua hơn 200 trang sách, nếu suy nghĩ kỹ, ta có thể thấy, có những vấn đề thì đúng là vấn đề, nhưng cũng có những vấn đề thì chưa chắc đã phải là vấn đề.

Xưa kia, triết học Trung Quốc là cái phong văn hóa của tư tưởng triết học Việt Nam. Vài thế kỷ gần đây, khi những trường phái triết học phương Tây được truyền bá ở Trung Quốc thì ở Việt Nam cũng thấy xuất hiện. Khoảng hơn nửa thế kỷ nay, triết học Marx có vị trí đặc biệt cả ở Trung Quốc và ở Việt Nam. Vì lẽ ấy, có thể thấy, nhiều vấn đề của triết học Trung Quốc cũng là những vấn đề mà các nhà triết học Việt Nam phải quan tâm giải quyết hoặc suy ngẫm.

Với tinh thần như vậy, cuốn sách chắc chắn là một tài liệu tham khảo đối sánh bổ ích và lý thú.



CHÚ THÍCH:

1. “Chuẩn thức” là thuật ngữ mà các nhà triết học Trung Quốc vẫn thường gọi lâu nay trong các tài liệu lý luận. Tùy theo văn cảnh, thuật ngữ này có thể hiểu là “hình thức”, “phương thức”, “kiểu” hay “cách thức”... mà một triết học cụ thể nào đó được nói đến. Tuy nhiên, cách gọi này tương đối, nó không nhằm chỉ các hình thức triết học kiểu như *duy vật*, *duy tâm* hay *nhị nguyên*, các phương thức kiểu như *biện chứng*, *siêu hình* hay *chiết trung*, các phương pháp kiểu như *qui nạp*, *diễn dịch* hay *chứng minh*, mà thường dùng để diễn tả những kiểu triết học xác định (đã định hình) như *triết học tư biện*, *triết học thực tiễn*, *triết học nhân học*, *triết học khoa học*, *triết học sự sống*, v.v... Trong cuốn sách, người dịch vẫn giữ nguyên là

“chuẩn thức” để bạn đọc hiểu chính xác hơn tư tưởng của người viết.

2. *Trung Quốc triết học sử đại cương* của Hồ Thích (1891-1962) xuất bản lần đầu năm 1919 và *Trung Quốc triết học sử* của Phùng Hữu Lan (1895-1990), xuất bản lần đầu năm 1933, là hai tác phẩm nổi tiếng về triết học, có ảnh hưởng lớn đến giới học thuật và nền giáo dục Trung Quốc kể từ khi xuất bản đến nay. Hai tác phẩm này đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và có uy tín lớn ở nước ngoài và cả ở Việt Nam. Bản tiếng Việt *Trung Quốc triết học sử* của Phùng Hữu Lan mới nhất và đầy đủ nhất được Nhà xuất bản KHXH xuất bản năm 2007..

3. Đầu những năm 60, tại hội nghị Lu Sơn, để nói lý lẽ của mình về quan hệ sản xuất, Đặng Tiểu Bình nhắc lại một câu ngôn ngữ Tứ Xuyên: “Bất kỳ mèo trắng mèo đen, hễ bắt được chuột thì đều là mèo tốt”. Tháng 2.1976, Mao Trạch Đông ra chỉ thị phê phán và bắt giam Đặng vì “lý luận con mèo”. Những năm 80, phương châm lý luận này được ca ngợi ở Trung Quốc và cả ở nước ngoài sau khi Đặng Tiểu Bình trở lại cầm quyền và tiến hành mở cửa, cải cách..

4. Napoleon nói về Trung Quốc, 1816. Xem thêm: Nguyễn Lưu Viên. *Trung Quốc đã thức dậy rồi... thế giới có run sợ chưa*. <http://vietnamlibrary.informe.com/trung-qu-c-no-th-c-d-y-r-ei-a-b-s-nguy-an-l-u-vi-dt230.html>

5. Nguyên văn: “Bị ngoại vi hoá hay tự lưu đày: Đối thoại về tính học thuật và tính hiện thực trong nghiên cứu triết học macxit”.

6. Quan điểm này có xuất xứ từ Hegel: “Nghiên cứu lịch sử triết học là nghiên cứu bản thân triết học, và điều đó là không thể khác được”. G.V.F.Hegel. *Toàn tập*, t.IX, Nxb. Kinh tế-xã hội. Mátxcova, 1935, tr.35 (Tiếng Nga).